

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 43
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Ông Nguyễn Duy Hiếu	Ủy viên;
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên;
Bà Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Nguyễn Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 13/8/2019
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách Phòng tài chính kế toán.	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

Số: 174./2019/BCSX/AASCN.PB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 29 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

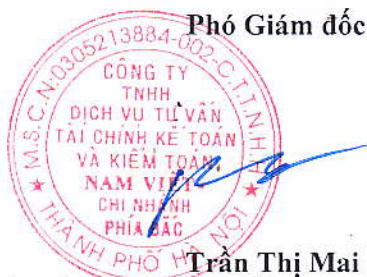
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc

Phó Giám đốc



Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.571.742.904.433	1.299.275.517.164
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		45.765.422.419	9.709.724.116
1.	Tiền	111	V.01	45.765.422.419	9.709.724.116
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	350.000.000	350.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.093.004.230	232.663.339.575
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	251.617.178.564	195.510.139.854
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.543.151.283	24.641.540.748
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	46.811.862.720	13.390.847.310
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(879.188.337)	(879.188.337)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	1.165.157.051.905	1.045.563.703.745
1.	Hàng tồn kho	141		1.169.477.672.520	1.054.269.201.876
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.320.620.615)	(8.705.498.131)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.377.425.879	10.988.749.728
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	9.837.589.362	6.127.654.566
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.406.647.539	4.827.695.471
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	133.188.978	33.399.691
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		387.860.510.376	395.168.201.362
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		100.350.000	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	100.350.000	0
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II.	Tài sản cố định	220		268.631.257.794	277.153.628.074
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	218.159.924.462	226.669.461.408
	- Nguyên giá	222		357.217.267.036	357.248.981.253
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(139.057.342.574)	(130.579.519.845)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	50.471.333.332	50.484.166.666
	- Nguyên giá	228		50.585.939.000	50.585.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(114.605.668)	(101.772.334)
III.	Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	60.919.749.684	60.819.749.684
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		60.919.749.684	60.819.749.684
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	37.130.541.201	36.498.738.315
1.	Đầu tư vào công ty con	251		35.090.270.801	35.090.270.801
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.000.000.000	3.000.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.073.530	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(960.803.130)	(1.592.606.016)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.078.611.697	20.696.085.289
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.078.611.697	20.696.085.289
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.959.603.414.809	1.694.443.718.526

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

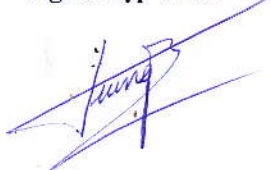
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.547.246.971.882	1.282.431.015.311
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.472.450.196.848	1.197.456.302.811
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	591.611.017.681	133.075.471.182
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		73.735.267.438	76.823.206.844
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.003.843.690	19.402.132.277
4.	Phải trả người lao động	314		3.250.893.416	2.828.027.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.815.725.694	8.193.361.087
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.723.308.597	10.220.038.155
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	778.814.272.706	944.556.027.207
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.495.867.626	2.358.039.059
II.	Nợ dài hạn	330		74.796.775.034	84.974.712.500
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	16.010.400.000	16.610.400.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	58.786.375.034	68.364.312.500
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		412.356.442.927	412.012.703.215
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	412.356.442.927	412.012.703.215
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.186.864.659	15.921.736.092
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.129.814.028	31.051.202.883
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		30.520.945.749	28.282.945.777
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		608.868.279	2.768.257.106
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.959.603.414.809	1.694.443.718.526

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách Phòng tài chính
kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

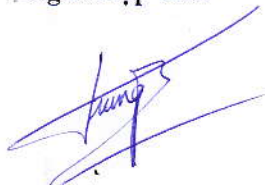
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	725.064.947.403	683.503.577.501
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.698.454.544	2.727.273
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		722.366.492.859	683.500.850.228
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	640.806.393.237	573.432.391.780
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.560.099.622	110.068.458.448
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	60.969.589	5.565.320.298
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	33.760.671.750	71.778.982.331
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.907.763.443	61.155.077.833
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	21.617.879.707	18.389.360.799
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	24.091.238.013	23.220.106.954
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.151.279.741	2.245.328.662
11.	Thu nhập khác	31	V.06	79.600.333	310.024.000
12.	Chi phí khác	32	V.07	1.184.049.106	2.209.469.661
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.104.448.773)	(1.899.445.661)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.046.830.968	345.883.001
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	437.962.689	0
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		608.868.279	345.883.001

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		762.328.149.416	965.566.526.175
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(300.598.234.296)	(524.768.272.782)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.800.488.112)	(34.646.163.250)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(33.788.299.071)	(61.558.290.680)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.140.563.545)	(1.810.042.400)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.433.714.868	1.764.721.496
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(180.999.465.521)	(25.584.699.147)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		211.434.813.739	318.963.779.412
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(242.400.000)	(6.406.966.893)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		121.818.182	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(47.059.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	26.412.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		58.748.807	723.050.590
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(61.833.011)	(26.330.916.303)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

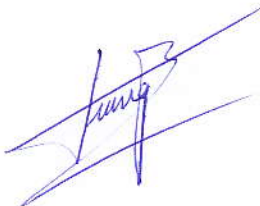
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		662.594.525.995	897.821.219.107
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(837.914.217.962)	(1.205.755.020.445)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(175.319.691.967)	(307.933.801.338)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		36.053.288.761	(15.300.938.229)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.709.724.116	31.607.213.309
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.409.542	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		45.765.422.419	16.306.275.080

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Phụ trách Phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Nghĩa Trung

Nguyễn Nghĩa Trung

Bùi Văn Hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Thôn Giao Tự, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên Công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Đà Nẵng	Thôn Quá Giang, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	13.578.436.742	6.092.747.477
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.186.985.677	3.616.976.639
Cộng	<u>45.765.422.419</u>	<u>9.709.724.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Cộng	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con		35.090.270.801	0			35.090.270.801	0	
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	89,28	35.090.270.801	0	(*)	89,28	35.090.270.801	0	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.000.000.000	(960.152.900)			3.000.000.000	(1.592.016.986)	
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	30,00	3.000.000.000	(960.152.900)	(*)	60,00	3.000.000.000	(1.592.016.986)	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		1.073.530	(650.230)	423.300		1.073.530	(589.030)	484.500
+ Công ty CP Thiết bị Bưu điện (POT)		679.000	(323.800)	355.200		679.000	(266.200)	412.800
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)		394.530	(326.430)	68.100		394.530	(322.830)	71.700
Cộng		38.091.344.331	(960.803.130)	423.300		38.091.344.331	(1.592.606.016)	484.500

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:

Tên Công ty	Vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị phần vốn góp theo mệnh giá	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Hoạt động chính trong năm
Tên Công ty con				
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30 -4	28.637.440.000	25.568.455.000	89,28	Gia công cầu kiện thép
Tên Công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	10.000.000.000	3.000.000.000	30,00	Kinh doanh ô tô và dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe ô tô

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số VIII.02.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	251.617.178.564	195.510.139.854
- Công ty CP Đầu tư thương mại H&H Hà Nội	84.172.608.050	54.768.500.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	39.165.094.151	43.431.206.123
- Công ty Cổ phần phân phối SINOTRUK Việt Nam	102.042.648.940	63.017.000.000
- Ban quản lý dự án 3	8.277.616.780	11.748.344.053
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	17.959.210.643	22.545.089.678
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	0	0
Cộng	251.617.178.564	195.510.139.854

Trong đó

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	125.608.791.901	100.470.795.823
Cộng	125.608.791.901	100.470.795.823

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	46.811.862.720	(836.085.962)	13.390.847.310	(836.085.962)
- Tạm ứng	4.572.595.296	0	3.530.775.228	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.730.377.822	0	4.311.435.747	0
- Phải thu khác	5.508.889.602	(836.085.962)	5.548.636.335	(836.085.962)
+ <i>Lãi phải thu về cho vay</i>	<i>917.301.325</i>	<i>0</i>	<i>917.301.325</i>	<i>0</i>
+ <i>Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>423.331.199</i>	<i>0</i>	<i>423.331.199</i>	<i>0</i>
+ <i>Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ</i>	<i>1.457.427.273</i>	<i>0</i>	<i>1.457.427.273</i>	<i>0</i>
+ <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	<i>2.710.829.805</i>	<i>(836.085.962)</i>	<i>2.750.576.538</i>	<i>(836.085.962)</i>
b. Dài hạn	100.350.000	0	0	0
Cộng	46.912.212.720	(836.085.962)	13.390.847.310	(836.085.962)

05. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Các đối tượng khác	379.188.337	0	379.188.337	0
Cộng	879.188.337	0	879.188.337	0

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	8.899.407.925	0	0	0
- Nguyên liệu, vật liệu	233.720.701.209	(3.151.483.579)	120.651.380.872	(3.151.483.579)
- Công cụ, dụng cụ	1.433.222.694	0	1.447.651.729	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	324.764.871.200	0	154.075.147.604	0
- Thành phẩm	186.408.885.540	(810.553.829)	270.733.187.386	(1.469.550.939)
- Hàng hoá	82.381.948.045	(358.583.207)	170.522.568.101	(4.084.463.613)
- Hàng gửi bán	331.868.635.907	0	336.839.266.184	0
Cộng	1.169.477.672.520	(4.320.620.615)	1.054.269.201.876	(8.705.498.131)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay ngân hàng tại thời điểm cuối kỳ là 495.058.200.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	0	0
- Xây dựng cơ bản	60.919.749.684	60.819.749.684
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	50.847.411.709	50.847.411.709
+ Showroom tại thành phố Hồ Chí Minh	9.794.188.365	9.694.188.365
+ Dự án khác	278.149.610	278.149.610
Cộng	60.919.749.684	60.819.749.684

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	182.528.250.259	146.483.166.806	22.861.703.220	1.327.680.240	4.048.180.728	357.248.981.253
- Mua trong kỳ	142.400.000	0	0	0	0	142.400.000
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(174.114.217)	0	0	(174.114.217)
Số dư cuối kỳ	182.670.650.259	146.483.166.806	22.687.589.003	1.327.680.240	4.048.180.728	357.217.267.036
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	61.687.058.330	50.397.631.169	13.248.370.378	1.198.279.240	4.048.180.728	130.579.519.845
- Khấu hao trong kỳ	3.732.337.142	3.975.997.512	772.343.608	10.783.415	0	8.491.461.677
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(13.638.948)	0	0	(13.638.948)
Số dư cuối kỳ	65.419.395.472	54.373.628.681	14.007.075.038	1.209.062.655	4.048.180.728	139.057.342.574
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	120.841.191.929	96.085.535.637	9.613.332.842	129.401.000	0	226.669.461.408
2. Tại ngày cuối kỳ	117.251.254.787	92.109.538.125	8.680.513.965	118.617.585	0	218.159.924.462

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 73.641.992.282 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 149.088.355.447 VND và 111.789.869.224 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	50.420.000.000	165.939.000	50.585.939.000
- Mua trong kỳ	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối kỳ	50.420.000.000	165.939.000	50.585.939.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	0	101.772.334	101.772.334
- Khấu hao trong kỳ	0	12.833.334	12.833.334
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối kỳ	0	114.605.668	114.605.668
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	50.420.000.000	64.166.666	50.484.166.666
2. Tại ngày cuối kỳ	50.420.000.000	51.333.332	50.471.333.332

(*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 88.939.000 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 50.420.000.000 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	9.837.589.362	6.127.654.566
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	195.861.907	43.467.403
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	313.442.591	0
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	8.759.621.407	4.838.651.251
- Chi phí bảo hiểm	295.590.450	0
- Các khoản khác	273.073.007	1.245.535.912
b. Dài hạn	21.078.611.697	20.696.085.289
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.688.470.052	2.859.865.725
- Chi phí sửa chữa	4.314.749.863	2.490.585.744
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	13.477.743.976	13.686.354.022
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.597.647.806	1.659.279.798
Cộng	30.916.201.059	26.823.739.855

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	944.556.027.207	944.556.027.207	616.348.263.495	782.090.017.996	778.814.272.706	778.814.272.706	
- Vay ngân hàng	623.369.827.207	623.369.827.207	478.810.681.596	589.532.388.097	512.648.120.706	512.648.120.706	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	323.669.443.860	323.669.443.860	262.353.616.866	294.455.316.391	291.567.744.335	291.567.744.335	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh ^(b)	161.408.208.466	161.408.208.466	108.673.708.485	140.387.457.491	129.694.459.460	129.694.459.460	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ^(c)	103.891.172.681	103.891.172.681	6.100.000.000	103.785.285.215	6.205.887.466	6.205.887.466	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	12.009.329.000	12.009.329.000	0	12.009.329.000	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Minh Khai ^(e)	22.391.673.200	22.391.673.200	0	20.995.000.000	1.396.673.200	1.396.673.200	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nam Hà Nội ^(f)	0	0	100.483.356.245	17.900.000.000	82.583.356.245	82.583.356.245	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn* - Hà Nội ^(g)	0	0	1.200.000.000	0	1.200.000.000	1.200.000.000	
- Vay đối tượng khác	297.744.650.000	297.744.650.000	128.287.981.899	181.226.319.899	244.806.312.000	244.806.312.000	
+ Công ty TNHH MTV Đông Phát	17.492.700.000	17.492.700.000	0	17.492.700.000	0	0	
+ Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	0	0	14.000.000.000	14.000.000.000	0	0	
+ Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	0	0	37.672.602.899	37.672.602.899	0	0	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Công ty TNHH Hoà chất Sơn Thăng Long	1.500.000.000	1.500.000.000	0	1.500.000.000	0	0	
+ Ông Bùi Văn Hữu ^(h)	73.650.000.000	73.650.000.000	0	3.133.658.000	70.516.342.000	70.516.342.000	
+ Ông Bùi Quốc Công ^(h)	11.000.000.000	11.000.000.000	6.960.000.000	7.997.580.000	9.962.420.000	9.962.420.000	
+ Bà Trịnh Thị Hồng Lê ^(h)	66.927.000.000	66.927.000.000	0	0	66.927.000.000	66.927.000.000	
+ Bà Vũ Thúy Vân ^(h)	39.832.130.000	39.832.130.000	0	15.432.130.000	24.400.000.000	24.400.000.000	
+ Các đối tượng khác ^(h)	87.342.820.000	87.342.820.000	69.655.379.000	83.997.649.000	73.000.550.000	73.000.550.000	
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	23.441.550.000	23.441.550.000	9.249.600.000	11.331.310.000	21.359.840.000	21.359.840.000	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(c)	3.310.000.000	3.310.000.000	0	2.199.760.000	1.110.240.000	1.110.240.000	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(c)	11.000.000.000	11.000.000.000	0	0	11.000.000.000	11.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	9.131.550.000	9.131.550.000		9.131.550.000	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nam Hà Nội ^(c)	0	0	9.249.600.000	0	9.249.600.000	9.249.600.000	
b. Vay dài hạn Từ 1 năm đến 5 năm	68.364.312.500	68.364.312.500	92.494.262.500	102.072.199.966	58.786.375.034	58.786.375.034	
- Vay ngân hàng	58.526.200.000	58.526.200.000	36.998.400.000	42.132.087.466	53.392.512.534	53.392.512.534	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nam Hà Nội ^(c)	0	0	36.998.400.000	0	36.998.400.000	36.998.400.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(a)	22.000.000.000	22.000.000.000	0	5.605.887.466	16.394.112.534	16.394.112.534	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	36.526.200.000	36.526.200.000	0	36.526.200.000	0	0	
Trên 5 năm	9.838.112.500	9.838.112.500	55.495.862.500	59.940.112.500	5.393.862.500	5.393.862.500	
- Vay ngân hàng	9.838.112.500	9.838.112.500	55.495.862.500	59.940.112.500	5.393.862.500	5.393.862.500	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	9.838.112.500	9.838.112.500	0	9.838.112.500	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	0	0	55.495.862.500	50.102.000.000	5.393.862.500	5.393.862.500	
- CN Nam Hà Nội ^(b)	0	0	0	0	0	0	
- Vay đối tượng khác	0	0	0	0	0	0	
Cộng	1.012.920.339.707	1.012.920.339.707	708.842.525.995	884.162.217.962	837.600.647.740	837.600.647.740	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi 9%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 9,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.

(c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng vay số 134/2019 /HĐHMTD/PVBHBT-TMT ngày 05/3/2019 với lãi suất 9,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 8,4%/năm đến 8,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (e) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với lãi suất 6,9%/năm đến 7,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (f) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo HD cấp hạn mức tín dụng số 2101119-4515029-01-SME ngày 28/1/2019 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua linh kiện ô tô để SX và lắp ráp ô tô tải, phát hành L/C. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay từ 8,9% đến 9,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản ký quỹ; quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thời An, quận 12, Tp. HCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của Công ty; hàng tồn kho, hàng hóa hình thành từ L/C và bảo lãnh cá nhân của bên thứ ba.
- (g) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo HD cấp hạn mức tín dụng số 52/2019/HDHM-PN/SHB.111601 ngày 13/3/2019 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, phát hành L/C. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ thửa đất số 154, tờ bản đồ 07 xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, Hưng Yên theo GCN quyền sử dụng và quyền sở hữu mang tên Công ty.
- (h) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất từ 1% đến 11%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền son ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất vay trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền son ED.
- (j) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 399/2016/HDCV/PVBHBT_TMT tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ngày 28 tháng 10 năm 2016 với mục đích hoàn vốn chi phí đối với khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn cho vay 05 năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại Nhà máy ô tô Cửu Long. Lãi suất vay áp dụng trong kỳ là từ 9,5% đến 11,8%/năm.
- (k) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo HD cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 với mục đích tái tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho - Công ty CP ô tô TMT tại phường Thời An, quận 12 Tp. Hồ Chí Minh" tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, thời hạn cho vay 06 năm, lãi suất vay trong kỳ là 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Sinotruk International Co., Ltd	591.611.017.681	591.611.017.681	133.075.471.182	133.075.471.182
- Shandong Kama Automobile Manufacturing Co., Ltd	417.126.268.000	417.126.268.000	0	0
- Công ty TNHH MTV Đông Phát	20.211.578.475	20.211.578.475	19.426.548.400	19.426.548.400
- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	25.479.297.473	25.479.297.473	0	0
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	15.815.031.379	15.815.031.379	17.125.042.710	17.125.042.710
	112.978.842.354	112.978.842.354	96.523.880.072	96.523.880.072
b. Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
Cộng	591.611.017.681	591.611.017.681	133.075.471.182	133.075.471.182

Trong đó

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	21.610.509.626	21.610.509.626	10.897.380.270	10.897.380.270
Cộng	21.610.509.626	21.610.509.626	10.897.380.270	10.897.380.270

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	0	13.810.108.314	8.949.893.223	16.508.757.905	0	6.251.243.632
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0	64.746.972.517	64.746.972.517	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	42.549.883.492	42.591.217.679	41.334.187	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	1.454.900.914	437.962.689	1.140.563.545	0	752.300.058
- Thuế thu nhập cá nhân	33.399.691	0	1.495.812.809	1.554.267.909	91.854.791	0
- Thuế tài nguyên	0	310.000	1.810.000	1.820.000	0	300.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	1.161.090.000	1.237.413.600	2.398.503.600	0	0
- Các loại thuế khác	0	2.975.723.049	556.334.338	3.532.057.387	0	0
Cộng	33.399.691	19.402.132.277	119.976.082.668	132.474.160.542	133.188.978	7.003.843.690

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	9.815.725.694	8.193.361.087
- Chi phí lãi vay trích trước	1.643.290.589	2.718.909.654
- Chi phí vận chuyển	4.720.245.591	1.569.150.371
- Chi phí chính sách bán hàng	0	2.025.766.000
- Các khoản trích trước khác	3.452.189.514	1.879.535.062
b. Dài hạn	0	0
Cộng	9.815.725.694	8.193.361.087

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	5.723.308.597	10.220.038.155
- Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0
- Kinh phí công đoàn	2.933.814.208	7.137.627.208
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	704.749.812	1.340.761.104
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.084.744.577	1.741.649.843
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	1.193.924.373	1.193.924.373
+ Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	117.369.863	
+ Các đối tượng khác	773.450.341	547.725.470
b. Dài hạn	16.010.400.000	16.610.400.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.000.000.000	16.600.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	21.733.708.597	26.830.438.155

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	15.921.736.092	28.282.945.777	409.244.446.109
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	0	0	0	2.768.257.106	2.768.257.106
Cổ tức bằng cổ phiếu	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận năm trước	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	15.921.736.092	31.051.202.883	412.012.703.215
Số dư đầu năm nay	0	0	0	0	0	0	0
Tăng vốn trong kỳ này	0	0	0	0	0	608.868.279	608.868.279
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	0	0	0	0	0	(530.257.134)	(265.128.567)
Phân phối lợi nhuận (*)	0	0	0	0	265.128.567	(530.257.134)	(265.128.567)
Số dư cuối kỳ này	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	16.186.864.659	31.129.814.028	412.356.442.927

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết phân phối lợi nhuận trong kỳ:

	Số tiền VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	265.128.567
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	265.128.567
Tổng phân phối lợi nhuận	530.257.134

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33	123.057.040.000	33
+ Ông Lê Tiến Phan	18.974.610.000	5	18.974.610.000	5
+ Ông Bùi Quốc Công	38.828.490.000	10	38.828.490.000	10
+ Ông Bùi Văn Kiên	24.834.350.000	7	24.834.350.000	7
+ Các cổ đông khác	167.182.310.000	45	167.182.310.000	45
Cộng	372.876.800.000	100	372.876.800.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
- USD	USD	22.329,74	10.194,50
- EUR	EUR	125,63	147,83
Tài sản nhận giữ hộ			
- Xe ô tô tài nhận giữ hộ	Xe	75	134
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.169.734.400	11.169.734.400

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	88.844.934.152	80.489.419.241
- Doanh thu bán thành phẩm	635.829.421.849	602.912.758.145
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	390.591.402	101.400.115
Cộng	<u>725.064.947.403</u>	<u>683.503.577.501</u>

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	77.495.569.408	1.074.225.461

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Chiết khấu thương mại	0	0
- Giảm giá hàng bán	0	0
- Hàng bán bị trả lại	2.698.454.544	2.727.273
Cộng	<u>2.698.454.544</u>	<u>2.727.273</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	92.989.337.579	78.203.568.592
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	552.157.037.720	495.228.823.188
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.895.454	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.384.877.516)	0
Cộng	<u>640.806.393.237</u>	<u>573.432.391.780</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.748.807	1.402.781.295
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	4.132.914.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá	0	29.624.203
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.220.782	0
Cộng	<u>60.969.589</u>	<u>5.565.320.298</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Lãi tiền vay	32.907.763.443	61.155.077.833
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	0	9.822.483.010
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.484.711.193	801.322.488
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(631.802.886)	99.000
Cộng	<u>33.760.671.750</u>	<u>71.778.982.331</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	0
- Tiền phạt thu được	72.988.333	306.835.000
- Các khoản khác	6.612.000	3.189.000
Cộng	79.600.333	310.024.000

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38.657.087	0
- Chi phí dự án không thực hiện	0	2.100.246.822
- Tiền phạt	552.334.350	10.522.099
- Các khoản khác	593.057.669	98.700.740
Cộng	1.184.049.106	2.209.469.661

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	24.091.238.013	23.220.106.954
- Chi phí nhân viên quản lý	12.481.148.039	11.724.408.380
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.146.379.375	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.201.305.858	1.822.135.341
- Thuế, phí và lệ phí	2.578.716.882	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.917.620.076	5.537.556.195
- Chi phí dự phòng	0	0
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.766.067.783	4.131.007.038
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	21.617.879.707	18.389.360.799
- Chi phí nhân viên	10.691.265.500	4.559.398.250
- Chi phí bảo hành, khuyến mại	576.938.101	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.292.742	9.511.244.778
- Chi phí khấu hao TSCĐ	36.405.085	13.428.383
- Chi phí khác	8.427.978.279	4.305.289.388
Cộng	45.709.117.720	41.609.467.753

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	437.962.689	0
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	0	0
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	437.962.689	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết cách xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.046.830.968
Các khoản điều chỉnh tăng	1.145.392.019
Chi phí khấu hao của ô tô có NG trên 1,6 tỷ	460.008.000
Chi phí phạt vi phạm thuế	552.334.350
Chi phí không hợp lệ khác	133.049.669
Các khoản điều chỉnh giảm	2.409.542
Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu và TGNH	2.409.542
Thu nhập tính thuế TNDN	2.189.813.445
Thuế suất thuế TNDN	20%
Thuế TNDN	437.962.689
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	437.962.689

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	610.093.356.248	196.681.866.792
- Chi phí nhân công	26.330.926.039	38.370.710.765
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.044.287.011	8.415.758.018
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	11.259.156.334	19.723.785.368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.917.028.232	11.649.112.852
- Chi phí khác	(4.384.877.516)	0
Cộng	670.259.876.348	274.841.233.795

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Phụ trách Phòng tài chính kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
- Trả nợ vay ngắn hạn	3.133.658.000	1.140.000.000
- Chi phí lãi vay	1.088.056.595	1.217.494.300
Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	6.960.000.000	27.358.000.000
- Trả nợ vay ngắn hạn	7.997.580.000	15.450.000.000
- Chi phí lãi vay	0	22.260.000
Ông Trịnh Xuân Nhâm - Phó Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	0	8.500.000.000
- Trả nợ vay ngắn hạn	0	7.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	70.516.342.000	73.650.000.000
Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.962.420.000	11.000.000.000
Cộng nợ phải trả	80.478.762.000	84.650.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.626.293.000	1.738.316.000
Cộng	1.626.293.000	1.738.316.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&H Hà Nội

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty liên kết

Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Bán hàng hóa	77.495.569.408	1.074.225.461
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	77.495.569.408	1.074.225.461
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	4.188.667.278	0
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	4.188.667.278	0
Chi phí bảo hành, khuyến mãi	1.005.992.046	0
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	1.005.992.046	0
Bù trừ công nợ	37.672.602.899	0
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	37.672.602.899	0
Vay	34.000.000.000	43.951.340.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	34.000.000.000	43.951.340.000
Trả gốc vay	3.672.602.899	10.300.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	3.672.602.899	10.300.000.000
Chi phí lãi vay	117.369.863	0
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	117.369.863	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	125.608.791.901	100.470.795.823
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&H Hà Nội	84.172.608.050	54.768.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	2.271.089.700	2.271.089.700
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	39.165.094.151	43.431.206.123
Phải thu khác ngắn hạn	2.374.728.598	917.301.325
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	2.374.728.598	917.301.325
Cộng nợ phải thu	127.983.520.499	101.388.097.148
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	21.610.509.626	10.897.380.270
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	21.610.509.626	10.897.380.270
Phải trả khác ngắn hạn	193.839.863	0
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	193.839.863	0
Cộng nợ phải trả	21.804.349.489	10.897.380.270

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	633.130.967.305	88.844.934.152	390.591.402	722.366.492.859
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	618.108.598.012	102.651.046.504	(544.431.398)	720.215.213.118
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	15.022.369.293	(13.806.112.352)	935.022.800	2.151.279.741
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.421.620.944	480.143.451	2.110.868	3.903.875.263
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.982.576.040	1.400.818.088	6.158.455	11.389.552.583
Số dư tại ngày 30/6/2019				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.689.242.422.676	186.730.474.739	37.515.094.975	1.913.487.992.390
- Tài sản không phân bổ				46.115.422.419
Tổng tài sản	1.689.242.422.676	186.730.474.739	37.515.094.975	1.959.603.414.809
- Nợ phải trả bộ phận	1.353.924.594.443	189.991.246.127	835.263.686	1.544.751.104.256
- Nợ phải trả không phân bổ				2.495.867.626
Tổng nợ phải trả	1.353.924.594.443	189.991.246.127	835.263.686	1.547.246.971.882

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	602.910.030.872	80.489.419.241	101.400.115	683.500.850.228
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	590.338.648.562	90.900.877.007	15.995.997	681.255.521.566
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	12.571.382.310	(10.411.457.766)	85.404.118	2.245.328.662
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.387.344.737	452.215.748	569.699	3.840.130.184
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.363.756.098	1.250.075.885	1.574.839	10.615.406.822
Số dư tại ngày 30/6/2018				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.816.487.595.258	126.816.482.110	11.813.042.488	1.955.117.119.856
- Tài sản không phân bổ				146.232.366.981
Tổng tài sản	1.816.487.595.258	126.816.482.110	11.813.042.488	2.101.349.486.837
- Nợ phải trả bộ phận	1.489.812.800.093	198.892.307.172	250.563.403	1.688.955.670.668
- Nợ phải trả không phân bổ				2.803.487.059
Tổng nợ phải trả	1.489.812.800.093	198.892.307.172	250.563.403	1.691.759.157.727

Đơn vị tính: VND

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ó TÓ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.765.422.419	0	0	0
Phải thu khách hàng và phải thu khác	257.126.068.166	(879.188.337)	201.058.776.189	(879.188.337)
Phải thu về cho vay	-	0	-	0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(650.230)	1.073.530	(589.030)
Cộng	303.242.564.115	(879.838.567)	211.119.573.835	(879.777.367)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	591.611.017.681	133.075.471.182	(*)	(*)
Vay và nợ	837.600.647.740	1.012.920.339.707	(*)	(*)
Chi phí phải trả	9.815.725.694	8.193.361.087	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	2.095.144.577	1.752.049.843	(*)	(*)
Cộng	1.441.122.535.692	1.155.941.221.819	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.06, V.08, V.09 và V.11). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2019 là 111.789.869.224 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2019.

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	591.611.017.681	0	0	591.611.017.681
Vay và nợ	778.814.272.706	53.392.512.534	5.393.862.500	837.600.647.740
Chi phí phải trả	9.815.725.694	0	0	9.815.725.694
Các khoản phải trả khác	2.084.744.577	10.400.000	0	2.095.144.577
Cộng	1.382.325.760.658	53.402.912.534	5.393.862.500	1.441.122.535.692
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	133.075.471.182	0	0	133.075.471.182
Vay và nợ	944.556.027.207	58.526.200.000	9.838.112.500	1.012.920.339.707
Chi phí phải trả	8.193.361.087	0	0	8.193.361.087
Các khoản phải trả khác	1.741.649.843	10.400.000	0	1.752.049.843
Cộng	1.087.566.509.319	58.536.600.000	9.838.112.500	1.155.941.221.819

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

**Phụ trách Phòng tài chính
kế toán**



Nguyễn Nghĩa Trung



Tổng Giám đốc

Bùi Văn Hữu